

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HC-ST

Ngày: 12/9/2024

*Về việc khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Công Nhân
Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số 13/2024/TLST-HC ngày 08/3/2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3366/2024/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946

Địa chỉ: Số 008/PT ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Thị Kim T – Văn phòng luật sư Võ Tấn T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T2 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B: Ông Trần Ngọc Đ1 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 13/TB-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Thông báo số 312/TB-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc quyết định hành chính hết hiệu lực; hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để làm đơn đề nghị các các cơ quan có thẩm quyền xét cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375-QSDD/924/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Đ ngày 28/6/2004 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay là thửa số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.981,7m²) theo hiện trạng sử dụng đất có phần đất là đường đi diện tích 86m² theo kết quả xét xử tại Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/5/2021, đoàn đo đạc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đến tiến hành đo đạc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7 để cấp đổi và phần đất diện tích 86m² để cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn đề nghị ngày 29/4/2021 của ông Đ. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn B và ông Nguyễn Văn N là chủ đất liền ranh đoạn đường đi 86m² không đến để thống nhất trụ ranh và ký giáp ranh mà không rõ lý do. Do đó, đoàn đo đạc không thực hiện được việc đo đạc.

Ngày 28/6/2021, tại biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã P thì ông Huỳnh Văn B đồng ý hỗ trợ việc đo đạc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã.

Ngày 25/11/2021, đoàn đo đạc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đến tiến hành đo đạc phần đất 86m². Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Văn N đồng ý vị trí cột trụ ranh nhưng không ký biên bản giáp ranh, bỏ đi không rõ lý do nên đoàn không thực hiện được biên bản đo đạc.

Ngày 06/01/2022, ông Đ làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Sau đó Ban tiếp công dân Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chuyển đơn ông Đ về Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết theo thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 86m² cho ông Đ. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện B chuyển đơn này đến Ủy ban nhân dân xã P.

Ngày 27/01/2022, Ủy ban nhân dân xã P có Văn bản số 28/UBND-VP về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Đ có nội dung: “Ông Đ yêu cầu chỉnh lý bản đồ

địa chính và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7 không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã P”.

Ngày 24/02/2022, Ủy ban nhân dân huyện B có Văn bản số 621/UBND-NC về việc chuyển đơn của ông Đ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có nội dung yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B tham mưu, xem xét, xử lý đơn của ông Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Văn bản số 3395/UBND-NC về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Đ trong đó có nội dung: hướng dẫn ông Đ làm đơn đề nghị đo đạc để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B lập thủ tục trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Trường hợp trong quá trình đo đạc không thống nhất ranh đối với các chủ sử dụng đất liền kề thì ông Đ làm đơn tranh chấp gửi Ủy ban nhân dân xã P để hòa giải theo quy định pháp luật.

Theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện B, ngày 08/10/2022 ông Đ làm đơn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre xét giải quyết cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông trong đó có đoạn đường đi 86m² theo kết quả xét xử tại Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre mời ông Đ đến làm việc, giải thích và cho rằng yêu cầu của ông là chính đáng, đúng quy định pháp luật, Sở sẽ tiếp tục làm việc lại với Ủy ban nhân dân huyện B (trả lời miệng không có văn bản) và hướng dẫn ông làm đơn gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B để yêu cầu đo đạc và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 86m² (thuộc một phần thửa 98) của ông, sau đó xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau.

Ngày 01/11/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B có Văn bản số 3793/CNBTr-ĐKĐĐ về việc trả lời đơn của ông Đ có nội dung đề nghị ông Đ liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã P để được hướng dẫn lập thủ tục hành chính về đất đai theo quy định.

Theo hướng dẫn này, ngày 07/11/2022 ông Đ làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã P xem xét làm thủ tục cho ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 86m² là đường đi theo kết quả xét xử tại Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/01/2023, Ủy ban nhân dân xã P tổ chức làm việc với ông Đ và ông Nguyễn Văn N (người có đất liền ranh với phần đất 86m²). Tại buổi làm việc, tổ hòa giải đã vận động ông N cần thống nhất ranh để thực hiện việc đo đạc, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 86m² này cho ông Đ, còn

nếu ông N cho rằng đây là lối đi vào nhà ông thì ông phải làm đơn tranh chấp. Ông N có ý kiến không đồng ý cấp 86m² đất này cho ông Đ và cũng không tranh chấp lối đi. Ông Đ tiếp tục phản ánh và khiếu nại sự việc đến Ủy ban nhân dân huyện B nhưng Ủy ban nhân dân huyện B không trả lời.

Đến ngày 08/02/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B có Văn bản số 418/CNBTr-ĐKĐĐ về việc trả lời đơn đề nghị của ông Đ trong đó tiếp tục hướng dẫn ông Đ liên hệ với Ủy ban nhân dân xã P để được hướng dẫn theo quy định. Ông Đ đến liên hệ nhưng Ủy ban nhân dân xã P cho biết đang xin ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

Ngày 31/5/2023, ông Đ tiếp tục làm đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 86m² gửi đến Ủy ban nhân dân xã P.

Ngày 07/6/2023, Ủy ban nhân dân xã P ban hành Văn bản số 145/UBND-ĐC về việc trả lời đơn của ông Đ trong đó lý do không giải quyết cho ông Đ đăng ký cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 86m² đường đi là do ông Nguyễn Văn N cản trở không ký giáp ranh, do ông N không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, ông N đồng ý phần đất diện tích 86m² để làm đường đi công cộng. Và Ủy ban nhân dân xã P hướng dẫn ông Đ thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375-QSĐĐ/924/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Đ ngày 28/6/2004 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B; riêng phần đất 86m² mà ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hướng dẫn ông Đ thực hiện đo đạc cấp mới nhưng việc đo đạc cấp mới có tranh chấp của ông Nguyễn Văn N, đã được Ủy ban nhân dân xã P hòa giải không thành thì hướng dẫn ông Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện B để được giải quyết.

Đến ngày 20/6/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ban hành Văn bản số 1841/CNBTr-ĐKĐĐ về việc trả lời đơn của ông Đ trong đó cũng có nội dung: tại thời điểm đo đạc, chủ sử dụng đất liền kề là ông Nguyễn Văn N ngăn cản không đồng ý đo đạc ... đề nghị chủ sử dụng liên hệ Chi nhánh nhận lại hồ sơ và các giấy tờ có liên quan. Về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục giải quyết 86m² đề nghị ông Đ thực hiện theo Văn bản số 145/UBND-ĐC ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã P.

Sau đó, ông Đ tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân huyện B ngày 09/7/2023 nhưng Ủy ban nhân dân huyện B không trả lời đơn khiếu nại của ông mà chuyển đơn đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

Ngày 21/8/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có văn bản phúc đáp đơn của ông Đ có nội dung: qua nội dung tuyên án tại Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không có đề nghị công nhận diện tích 86m² cho ông Đ

nên không có cơ sở căn cứ vào bản án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Phần đất 86m² ông Đ đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường đi công cộng, không thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7 xã P1(nay là xã P) của ông Đ. Do đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B không có cơ sở hướng dẫn ông Đ thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 86m² đất nêu trên.

Nay ông Đ yêu cầu Toà án giải quyết:

- Huỷ Văn bản số 908/PTNMT-QLĐĐ ngày 21/8/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, theo uỷ quyền của Uỷ ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn đề nghị xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 86m² cho ông Đ.

- Buộc Uỷ ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay là thửa số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.981,7m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/7/2024, ông Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu huỷ Văn bản số 908/PTNMT-QLĐĐ ngày 21/8/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. Ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Uỷ ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay là thửa số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.981,7m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản số 1070/UBND-NC ngày 25/3/2024 và Văn bản số 345/PTNMT ngày 25/3/2024, người bị kiện Uỷ ban nhân dân huyện B và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B trình bày:

Diện tích 86m² đất ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hồ sơ đo đạc cũ thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 7, xã P1(tổng diện tích 836m²), loại đất cây lâu năm đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N1 (chồng của bà Lê Thị L). Khi ông N1 chết, bà L lập thủ tục thừa kế diện tích đất trên. Tuy nhiên, khi trích lục thửa đất có sai sót về diện tích nên bà L đề nghị sửa sai diện tích theo hiện trạng sử dụng đất thực tế. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N1 thửa 99, tờ bản đồ số 7, diện tích 836m²; sau khi đo đạc sửa sai hiện trạng (có các chủ sử dụng liền kề ký tên, trong đó có ông Đ) thì thửa đất có diện tích 876,9m² và bà L lập thủ tục thừa kế phần đất này và tách diện tích 86m² làm đường đi công cộng cho hộ dân. Năm 2013, bà L chuyển nhượng diện tích 876,9m² đất cho các ông Nguyễn Văn

K, Nguyễn Văn N, Trần Văn L1 và các hộ này sử dụng ổn định. Riêng diện tích 86m² đất còn lại sử dụng làm đường đi công cộng.

Nhận thấy diện tích 86m² đất ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, xã P1(nay là xã P) mà trước đây thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 7, của bà Lê Thị L tự nguyện tách làm đường đi công cộng để nối liền đường công cộng đi ra lộ liên xã P-Vĩnh Hòa, không thuộc quyền sử dụng của ông Đ nên việc ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 86m² đất là không có cơ sở để xem xét.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện B và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Theo Văn bản số 206/UBND-ĐC ngày 03/7/2024, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã P trình bày:

Theo bản đồ địa chính xã P1(nay là xã P) được thành lập năm 1994 thì diện tích 86m² đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 7, diện tích 836m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, chủ sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn N1 và hộ ông Nguyễn Văn N1 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997.

Đến năm 2000, ông N1 chết, vợ là bà Lê Thị L thừa kế quyền sử dụng đất thửa đất số 99, tờ bản đồ số 7, diện tích 836m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Đến năm 2013, bà L thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tách thửa đất làm 3 phần và chuyển nhượng cho các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Trần Văn L1; qua đo đạc bà L tự nguyện tách phần đất 86m² làm lối đi công cộng (khi đo đạc có chủ giáp ranh ký tên, trong đó có ông Đ).

Theo bản đồ địa chính, vị trí của diện tích 86m² không thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, chủ sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn Đ.

Năm 2014, quá trình đo đạc thành lập bản đồ địa chính xã P1 (nay là xã P), phần diện tích 86m² hình thành là đường đi công cộng, đường đi công cộng này được nối liền từ đường liên xã P-V tới thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7 của hộ ông Nguyễn Văn Đ, được hình thành từ trước năm 1975 và đi ngang qua nhiều thửa đất của các hộ dân, vì vậy phần diện tích 86m² không phải là lối đi riêng của ông Đ.

Chồng ghép bản đồ thành lập năm 2014 và bản đồ thành lập năm 1994 thì phần diện tích tăng 126,9m² (trong đó có 86m²) không liên quan đến thửa 98, tờ bản đồ số 7 của ông Nguyễn Văn Đ.

Phần diện tích 86m² là lối đi được hình thành từ trước năm 1975 đến nay. Năm 1994 khi đo đạc thành lập bản đồ không thể hiện lối đi. Nếu diện tích 86m² là lối đi riêng của ông Đ thì đường đi công cộng này được nối liền từ đường liên

xã P-Vĩnh Hòa tới thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7 của hộ ông Nguyễn Văn Đ là lối đi riêng của từng hộ dân có đất tại khu dân cư này. Diện tích 86m² do quá trình đo đạc bà Lê Thị L yêu cầu tách để làm đường đi công cộng là để phục vụ chung cho nhiều hộ dân sinh sống ở khu vực này và hiện trạng vẫn là đường đi công cộng.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên hành vi hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của ông Đ là luật sư Phạm Thị Kim T trình bày: Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật. Việc ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay là thửa số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.981,7m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông Dương Minh T là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện B; ông Võ Minh C là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã P; ông Trần Ngọc Đ1 là người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, ông C và ông Đ1.

- Ngày 22/7/2024, ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu huỷ Văn bản số 908/PTNMT-QLĐĐ ngày 21/8/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B là hoàn toàn tự nguyện nên cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông Đ.

- Về đối tượng khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ làm đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375-QSDĐ/924/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Đ ngày 28/6/2004 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay là thửa số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.981,7m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre theo hiện trạng sử dụng đất có phần đất là đường đi diện tích 86m² nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² nói trên cho ông. Căn cứ khoản 1 Điều 3, các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính, đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện B về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn đề nghị của ông Đ. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/8/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B có Văn bản số 908/PTNMT-QLĐĐ trả lời cho ông Nguyễn Văn Đ về việc không có cơ sở căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ đối với phần đất đường đi có diện tích 86m². Ngày 17/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ nộp qua đường bưu điện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² cho ông. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện của ông Đ vẫn còn đối với hành vi hành chính nêu trên.

[2] Về nội dung khiếu kiện:

Ông Nguyễn Văn Đ cho rằng: Phần đất đường đi có diện tích 86m² là thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay là thửa số 53, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.981,7m²) tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375-QSĐĐ/924/QĐ-UB cho ông Đ ngày 28/6/2004. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc công nhận phần đất 86m² là đường đi riêng của gia đình ông Đ, không phải là đường đi công cộng và đã tuyên hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của ông. Việc Ủy ban nhân dân huyện B không chấp hành Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện trách nhiệm công vụ trong việc khôi phục lại quyền và L ích hợp pháp của ông về việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất 86m² cho ông là vi phạm quy định pháp luật. Vì vậy, ông Đ khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² nói trên cho ông.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trích lục các tài liệu từ hồ sơ xét xử phúc thẩm theo Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy: Thửa đất số 98 (của ông Nguyễn Văn Đ) và thửa 99 (của bà Lê Thị L) có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Tuấn để lại, ông Nguyễn Văn N1 (chồng bà L) quản lý sử dụng thửa 99, còn ông Đ nhận thừa kế thửa 98. Căn cứ các tài liệu về kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì ông N1 kê khai đăng ký thửa 99 diện tích 836m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 diện tích 836m² (BL 281- hồ sơ của Tòa án nhân dân cấp cao). Sau khi ông N1 chết, năm 2011 bà L làm thủ tục đăng ký biến động và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 và trích lục bản đồ địa chính năm 2013 diện tích vẫn là 836m² (BL 103, 279, 282 - hồ sơ của Tòa án nhân dân cấp cao). Tuy nhiên, sau đó bà L thuê đo vẽ lại đất và đăng ký biến động (tách thửa, chuyển nhượng quyền sử dụng đất) thì diện tích thửa 99 tăng từ 836m² lên 876,9m² nhưng các cơ quan thẩm quyền ở địa phương không thẩm tra làm rõ diện tích chênh lệch tăng mà chỉ căn cứ vào biên bản ký giáp ranh (có chữ ký của ông Đ, sau đó có khiếu nại) để điều chỉnh diện tích đất cho bà L là chưa đủ căn cứ.

Theo biên bản xác minh ngày 29/8/2019 (BL 201 - hồ sơ của Tòa án nhân dân cấp cao) ông Huỳnh Trọng Ưu xác nhận phần lối đi 86m² mà ông Đ yêu cầu cấp quyền sử dụng đất là đất của ông Đ chứ không phải của bà L, không phải là

đất công như cơ quan nhà nước xác nhận, các hộ dân khác không sử dụng phần đất này để đi qua phần đất của họ; xác nhận này phù hợp với nội dung xác nhận của các ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn C2 (BL 111,113, 115 - hồ sơ của Tòa án nhân dân cấp cao). Ngoài ra, tại Tờ tường thuật ngày 14/3/2012, bà Lê Thị L có trình bày: “... Khi đăng ký đất chủ quyền, chồng tôi ngộ nhận đo qua đường đi đất của ông Nguyễn Văn Đ 72m². Sau khi nhận sổ đỏ xong chồng tôi và tôi biết mình sai nhưng không nói cho ông Đ biết. Đến năm 2012 ông Đ phát hiện nên tôi làm tờ tường thuật này đồng ý trả lại 72m² cho ông Nguyễn Văn Đ” (BL110- hồ sơ của Tòa án nhân dân cấp cao).

Như vậy, có cơ sở xác định phần đất lối đi diện tích 86m² thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ, việc cơ quan có thẩm quyền huyện B điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà L là không đúng đối tượng và cho rằng bà L hiến tặng làm lối đi công cộng là không có cơ sở. Sau khi ông Đ có khiếu nại và khởi kiện tại Tòa án; tại Bản án hành chính phúc thẩm số 686/2020/HC-PT ngày 10/11/2020 có hiệu lực pháp luật cũng đã nhận định tại đoạn thứ hai, mục [2.4]: “Nhu vậy, đối chiếu quyền sử dụng đất của ông N1, hồ sơ thừa kế của bà L tại thửa 99, tờ bản đồ 07, diện tích sử dụng là 836m². Nhưng khi thuê đo vẽ và tách thửa thì diện tích của bà L hiện nay tăng lên từ 37,2m² đến 40,9m² (chưa tính diện tích đường đi). Do đó khiếu nại của ông Đ yêu cầu UBND huyện B chỉnh lý lại diện tích 86m² đất (lối đi của ông Đ) đã cấp cho bà L là có căn cứ...”. Từ đó, Bản án hành chính phúc thẩm 686/2020-HCPT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: Hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Đ. Và 02 quyết định này cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thông báo hết hiệu lực. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng: “Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn 908/PTNMT-QLĐĐ ngày 21/8/2023 phúc đáp đơn của ông Đ là phù hợp và việc ông Đ yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 86m² thuộc 01 phần thửa 98, tờ bản đồ số 7 có diện tích 3.450m² là không có cơ sở xem xét” và không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 86m² thuộc một phần thửa 98, tờ bản đồ số 7 cho ông Đ là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy ông Đ khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² thuộc một phần thửa 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay thuộc thửa 53, tờ bản đồ 22, diện tích 2.981,7m²), tọa lạc tại xã P, huyện B là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, theo quy định pháp

luật hiện nay có quy định thay đổi về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai) nên Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thông qua cơ quan có thẩm quyền để đề nghị thực hiện cấp quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông Đ.

[3] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của người khởi kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 158, điểm b khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai”; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2007 sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu huỷ Văn bản số 908/PTNMT-QLĐĐ ngày 21/8/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với Ủy ban nhân dân huyện B: Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ thông qua cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất là đường đi có diện tích 86m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.450m² (nay thuộc thửa 53, tờ bản đồ 22, diện tích 2.981,7m²), tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Văn Đ.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm; các đương sự

vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Đức